

HỢP ĐỒNG

Hà Nội, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số:

Gói thầu: 02-2026-VHT-K1-TBBĐ Mua sắm thiết bị lưu điện cho máy tính trạm

Thuộc Đề xuất mua sắm/Dự án/Khoản Đầu tư: _____ [ghi tên hoặc số Đề xuất mua sắm/Dự án/Khoản Đầu tư **thống nhất với HSMT**]

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Quyết định số 12869/QĐ-CNVTQĐ ngày 20/10/2025 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội về việc ban hành Quy chế lựa chọn nhà thầu tại Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội;
- Căn cứ Quyết định số /QĐ-VHT ngày / / của Tổng Công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu 02-2026-VHT-K1-TBBĐ Mua sắm thiết bị lưu điện cho máy tính trạm và Thông báo chấp thuận A-HSDT và trao hợp đồng số ngày / / của Chủ đầu tư;
- Căn cứ biên bản thương thảo hợp đồng đã được Chủ đầu tư và Nhà thầu trúng thầu ký ngày / / ;
- Căn cứ biên bản hoàn thiện Hợp đồng đã được Chủ đầu tư và Nhà thầu trúng thầu ký ngày / / **(nếu có)**;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên Mua)

Tên Chủ đầu tư: **TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO VIETTEL – CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI**

Địa chỉ: Số 380 Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, TP. Hà Nội.

Điện thoại : 024-62638638

Mã số thuế : 0100109106-477

Đại diện là ông: **Nguyễn Minh Quang**

Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Giấy ủy quyền ký Hợp đồng số 1419/GUQ-CNVTQĐ ngày 05/02/2026.

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên Bán)

Tên nhà thầu :

Địa chỉ :

Điện thoại :

Mã số thuế :

Đại diện là ông/bà :

Chức vụ :

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ [trường hợp được ủy quyền]

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1: PHẠM VI CUNG CẤP

Bên Bán đồng ý bán và Bên Mua đồng ý mua hàng hóa là, chi tiết về giá cả, số lượng, xuất xứ, mô tả hàng hóa như quy định tại Phụ lục 1 của hợp đồng. Hàng hóa được cung cấp là hoàn toàn mới, nguyên đai, nguyên kiện theo đúng tiêu chuẩn của nhà sản xuất, các chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết được nêu trong Phụ lục 2 của hợp đồng.

Các Phụ lục sau là những phần không thể tách rời của hợp đồng này:

- Phụ lục 1: Danh mục hàng hóa và giá cả
- Phụ lục 2: Chỉ tiêu kỹ thuật chi tiết
- Phụ lục 3: Các mẫu bảo lãnh

Điều 2: GIAO HÀNG

2.1 Thời gian thực hiện hợp đồng: được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày các bên hoàn thành nghĩa vụ theo quy định trong hợp đồng (ngoại trừ các nghĩa vụ quy định tại Điều 14.5 của Hợp đồng).

2.2 Thời gian giao hàng: Bên Bán có trách nhiệm hoàn thành việc giao toàn bộ hàng hóa của hợp đồng 00 lô đến địa điểm giao hàng của Bên Mua trong vòng ... tuần kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.

Địa điểm giao hàng: Hàng hóa được giao đến kho/địa điểm chỉ định của Bên Mua tại .

2.3 Trong trường hợp có sự thay đổi về địa điểm và/hoặc số lượng giao hàng cho từng địa điểm, Bên Mua sẽ thông báo cho Bên Bán trước (02) ngày bằng fax/email.

2.4 Trước khi giao hàng ba (03) ngày, Bên Bán sẽ thông báo cho Bên Mua bằng fax/email về chi tiết kế hoạch giao hàng. Các thông tin cụ thể cần có: ngày, giờ bàn giao cụ thể, tên và số điện thoại của người bàn giao, số lượng hàng hóa, số kiện, trọng lượng, số Serial (nếu có) của từng hàng hóa cung cấp bằng file Excel để Bên Mua chuẩn bị mặt bằng, địa điểm nhận hàng hoá và đưa thông tin hàng hóa vào hệ thống quản lý.

Trường hợp Bên Bán không thực hiện hoặc thực hiện chậm trễ nghĩa vụ thông báo theo quy định, Bên Mua có quyền từ chối hoặc trì hoãn tiếp nhận

hàng hóa và Bên Bán phải chịu hoàn toàn chi phí phát sinh từ việc này.

2.5 Quy định về đóng gói:

Việc đóng gói phải tuân theo tiêu chuẩn đóng gói của Nhà sản xuất, đảm bảo an toàn, tránh hư hỏng cho hàng hoá trong quá trình vận chuyển đến địa điểm giao hàng theo quy định của Bên Mua.

2.6 Chứng từ tài liệu:

2.6.1 Ngay khi giao hàng, Bên Bán có trách nhiệm cung cấp cho Bên Mua bao gồm nhưng không giới hạn ở các tài liệu sau:

- Hoá đơn giá trị gia tăng (GTGT) hợp lệ cho 100% giá trị hàng hóa (bản gốc).

(Lưu ý: Giá trị (các) hóa đơn GTGT Bên Bán phát hành cho Bên Mua phải bằng Giá Hợp đồng. Hóa đơn GTGT cho phần hàng hóa khuyến mại, cho tặng miễn phí (nếu có) được, phát hành riêng, không gộp chung với phần hàng hóa có giá trị thanh toán).

- Tài liệu kỹ thuật gốc của hàng hóa, catalogue (01 bộ bằng Tiếng Anh) (hoặc Tiếng Việt đối với hàng sản xuất trong nước).

- Giấy cam kết bảo hành cho toàn bộ hàng hóa do Bên Bán phát hành theo quy định trong Hợp đồng (01 bản gốc).

- Phiếu đóng gói chi tiết (Packing list) do Bên Bán/ Nhà xuất khẩu cấp (bản gốc).

2.6.2 Sau khi giao hàng, Bên Bán có trách nhiệm cung cấp cho Bên Mua bao gồm nhưng không giới hạn ở các tài liệu sau:

- Phiếu Bảo hành của Nhà sản xuất cho toàn bộ hàng hóa (bản gốc) [*trường hợp bảo hành online theo đúng S/N thì ghi link tra cứu, cách thức tra cứu: 01 bản in có xác nhận của Bên Bán*].

- Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) do Phòng Thương mại và Công nghiệp của nước sản xuất/ nước xuất khẩu hoặc cơ quan có thẩm quyền cấp trong đó ghi rõ danh mục, chủng loại hàng hóa, tên nhà sản xuất, nước xuất xứ (01 bản gốc và 02 bản sao) [*áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu*].

- Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa do Nhà sản xuất phát hành (01 bản gốc) [*áp dụng đối với hàng hóa sản xuất trong nước*].

- Giấy chứng nhận chất lượng và số lượng do Nhà sản xuất cấp (01 bản gốc và 02 bản sao) [*nếu là VPDD hay các chi nhánh/NPP độc quyền cấp thì ghi rõ tên*].

- Biên bản kiểm tra xuất xưởng nêu rõ số serial thiết bị (năm sản xuất nếu có) (Test Report) do Nhà sản xuất cấp (01 bản gốc) [*áp dụng tùy trường hợp*].
- Giấy chứng nhận hợp chuẩn (COC) do nhà phân phối/nhà sản xuất cấp trên đó ghi rõ tên đơn vị nhập hàng, số PO hoặc số hợp đồng của đơn vị nhập hàng, ngày đặt hàng, nhà sản xuất ứng với từng linh kiện, mã nhà sản xuất ứng với từng linh kiện, số lượng mua (01 bản gốc hoặc bản sao công chứng/ chứng thực) [*áp dụng với hàng hóa là VTLK*].

Điều 3: LOẠI HỢP ĐỒNG, GIÁ HỢP ĐỒNG VÀ ĐIỀU KHOẢN THANH TOÁN

3.1. Loại hợp đồng

Hợp đồng này là hợp đồng Trộn gói. [*tự xác định phù hợp tính chất hàng hóa nếu không hình thành gói thầu*)]

3.2. Giá Hợp đồng (đã gồm thuế GTGT):

(Bằng chữ:)

Trong đó:

Giá hợp đồng ban đầu (chưa gồm thuế GTGT):

Thuế GTGT :

Trường hợp Hợp đồng theo đơn giá cố định:

“Giá trị thanh toán được xác định trên cơ sở đơn giá cố định trong hợp đồng nhân với khối lượng, số lượng hàng hóa thực tế mà Bên Bán đã thực hiện và được nghiệm thu theo quy định trong hợp đồng. Đơn giá của Hợp đồng nêu trên là cố định trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng và Bên Mua không phải trả bất kỳ khoản chi phí nào ngoài đơn giá trong Hợp đồng này.”

Giá hợp đồng nêu trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, toàn bộ chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có), để thực hiện hoàn thành việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan (nếu có) theo phạm vi công việc của hợp đồng này trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm), đồng thời Bên Bán xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định.

3.3. Điều khoản thanh toán:

Bên Mua tạm ứng/thanh toán cho Bên Bán theo phương thức chuyển khoản bằng tiền Việt Nam đồng theo các đợt quy định dưới đây và sẽ không thay đổi bất cứ phương thức tạm ứng/thanh toán nào khác trong suốt quá trình

thực hiện Hợp đồng này:

Tạm ứng: 30% giá Hợp đồng được tạm ứng trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày Bên Mua nhận được bảo lãnh tạm ứng tương đương 30% giá Hợp đồng với điều kiện Hợp đồng đã được ký kết bởi đại diện có thẩm quyền của hai bên và Bên Mua đã nhận được bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 7 trong Hợp đồng. Toàn bộ số tiền tạm ứng sẽ được thu hồi bằng cách khấu trừ vào thanh toán đợt 1.

Trường hợp Bên Bán không nhận tạm ứng thì không cần nộp bảo lãnh tạm ứng.

Thanh toán:

- Đợt 1: 70% giá Hợp đồng, trừ đi giá trị tạm ứng 30% giá Hợp đồng, tương đương 40% giá Hợp đồng được thanh toán trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày hai bên ký và đóng dấu “Biên bản bàn giao hàng hoá” quy định tại Điều 5.1 với điều kiện Bên Bán đã xuất trình hóa đơn và các chứng từ như quy định tại Điều 2.6 của Hợp đồng.

- Đợt 2: **Giá trị còn lại của Hợp đồng** sẽ được thanh toán trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày hai bên ký và đóng dấu “Biên bản nghiệm thu hàng hóa” quy định tại Điều 5.2, “Biên bản thanh lý Hợp đồng” và Bên Bán đã xuất trình cho Bên Mua bảo lãnh bảo hành trị giá 5% giá Hợp đồng theo quy định tại Điều 7 của Hợp đồng.

Trước mỗi đợt thanh toán và tạm ứng (nếu có), Bên Bán có trách nhiệm gửi công văn đề nghị tạm ứng (nếu có)/thanh toán và xuất trình đầy đủ chứng từ như quy định cho Bên Mua trước thời hạn ít nhất 2 tuần. Công văn đề nghị tạm ứng (nếu có)/thanh toán này là một chứng từ trong bộ chứng từ thanh toán. Trường hợp Bên Bán chậm trễ trong việc gửi công văn/chứng từ thì Bên Mua không chịu trách nhiệm về việc chậm thanh toán và tạm ứng (nếu có).

3.4 Bên Mua thanh toán cho Bên Bán bằng hình thức chuyển khoản bằng Việt Nam đồng theo địa chỉ thanh toán như sau:

Người thụ hưởng : Công ty []

Địa chỉ : ...

Ngân hàng : ...

Địa chỉ ngân hàng : ...

Số tài khoản : ...

(VNĐ)

Điều 4: TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

4.1. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên Bán

- a. Cung cấp hàng hóa đáp ứng đúng, đủ theo quy định của hợp đồng;
- b. Không được chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần hợp đồng này cho một bên thứ ba khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Bên Mua;
- c. Xuất hóa đơn GTGT cho toàn bộ hàng hóa và dịch vụ (nếu có) của hợp đồng theo quy định của pháp luật.
- d. Nghĩa vụ của các bên trong liên danh tại toàn bộ hợp đồng là nghĩa vụ liên đới, theo đó, Bên Mua có quyền yêu cầu bất cứ công ty nào thuộc liên danh phải thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ phạt và/hoặc bồi thường thiệt hại. [áp dụng cho trường hợp Bên Bán là Nhà thầu liên danh]
- e. Thực hiện đầy đủ các trách nhiệm quy định trong hợp đồng này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
- f. Trách nhiệm đảm bảo an toàn thông tin: Bên Bán cam kết không có các hoạt động gây cản trở, gây rối loạn, gây mất an toàn thông tin, an ninh mạng, mất an toàn cơ sở hạ tầng viễn thông, mạng công nghệ thông tin tại Việt Nam và trên thế giới.

Tất cả các hàng hóa cung cấp theo Hợp đồng này phải đảm bảo không có khả năng cản trở, gây rối loạn, gây mất an toàn thông tin, an ninh mạng, cơ sở hạ tầng mạng viễn thông, mạng công nghệ thông tin tại Việt Nam và trên thế giới. Trường hợp Bên Mua hoặc cơ quan nhà nước phát hiện bất kỳ sản phẩm nào của hãng sản xuất thiết bị, phần mềm của Bên Bán gây ra hoặc có nguy cơ cản trở, gây rối loạn, gây mất an toàn thông tin, mất an toàn cơ sở hạ tầng mạng viễn thông, mạng công nghệ thông tin tại Việt Nam hoặc trên thế giới, Bên Mua có quyền chấm dứt Hợp đồng và Bên Bán phải chịu phạt 8% giá trị Hợp đồng cùng các chế tài theo quy định tại Hợp đồng. Bên Bán chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật và phí tổn liên quan.

4.2. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Bên Mua:

- a. Thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn theo quy định của hợp đồng này;
- b. Hỗ trợ và tạo điều kiện để Bên Bán hoàn thành công việc đúng thời hạn;
- c. Thực hiện đầy đủ các trách nhiệm quy định trong hợp đồng này và các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5: BÀN GIAO, KIỂM TRA, NGHIỆM THU

5.1. Kiểm tra số lượng và chủng loại hàng hoá sau khi giao hàng:

Khi giao nhận hàng, Bên Bán có trách nhiệm cử đại diện có đủ năng lực, kinh nghiệm về hàng hóa đến địa điểm giao hàng của Bên Mua và đại diện của hai Bên sẽ cùng kiểm tra: số lượng, chủng loại, xuất xứ, năm sản xuất, số serial, quy cách hàng hoá và hai Bên sẽ lập Biên bản bàn giao hàng hóa cho từng đợt giao hàng (nếu hàng hóa giao thành nhiều đợt) hoặc Biên bản hiện trường (nếu hàng hóa bàn giao sai quy định Hợp đồng) và:

Nếu kết quả kiểm tra về số lượng, chủng loại, xuất xứ, số serial, năm sản xuất và quy cách hàng hoá chứng tỏ rằng hàng hoá không phù hợp với văn bản Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng, A-HSDT, A-HSMT thì Bên Mua có quyền lựa chọn:

- (i) Từ chối hàng hoá đã nhận và Bên Bán phải hoàn trả ngay cho Bên Mua các khoản tiền mà Bên Mua đã thanh toán cho Bên Bán, nhận lại hàng hóa, đồng thời phải chịu phạt tám phần trăm (8%) giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm; hoặc
- (ii) Đồng ý cho Bên Bán bổ sung hoặc thay thế hàng hoá mới phù hợp với quy định của Hợp đồng trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày hai Bên lập Biên bản hiện trường, đồng thời Bên Bán phải chịu phạt giao hàng chậm kể từ ngày đến hạn bàn giao hàng hóa như quy định tại Điều 2.2 cho đến ngày bàn giao thực tế, với mức phạt theo quy định tại Điều 9.1. Bên Bán chịu mọi chi phí liên quan đến việc bổ sung hoặc thay thế hàng hóa mới;
- (iii) Sau khi thay thế hoặc bổ sung như mục (ii) nêu trên, mà hàng hoá vẫn không đáp ứng quy định của Hợp đồng, Bên Mua có quyền từ chối hàng hóa do Bên Bán cung cấp và chấm dứt một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng. Bên Bán có nghĩa vụ nhận lại hàng hóa do Bên Mua từ chối, chịu mọi chi phí phát sinh từ việc tiếp nhận lại hàng hóa hoặc chậm tiếp nhận gây ra và bị phạt 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

Nếu kết quả kiểm tra về số lượng, chủng loại, xuất xứ, số serial, năm sản xuất và quy cách hàng hoá chứng tỏ rằng hàng hoá phù hợp với Hợp đồng, đại diện có thẩm quyền của hai Bên sẽ lập và ký “Biên bản bàn giao hàng hoá” trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày hoàn thành kiểm tra hàng hóa của Hợp đồng với điều kiện Bên Bán đã xuất trình và giao đủ các chứng từ quy định tại Điều 2.6.

5.2. Kiểm tra nghiệm thu hàng hóa

Trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày hai Bên ký “Biên bản bàn giao hàng hóa”, Bên Mua sẽ tiến hành kiểm định và/hoặc kiểm tra hàng hóa để

đánh giá chất lượng hàng hóa. Nếu hàng hóa được Bên Mua đánh giá đáp ứng các yêu cầu như quy định trong văn bản Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng, A-HSDT, A-HSMT, Bên Mua sẽ ký “Biên bản nghiệm thu hàng hóa” trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày hoàn thành kiểm định và/hoặc kiểm tra hàng hóa với điều kiện hai bên đã ký “Biên bản bàn giao hàng hóa”.

Nếu kết quả kiểm định và/hoặc kiểm tra hàng hóa chứng tỏ rằng chất lượng hàng hóa không đáp ứng như quy định của Hợp đồng, A-HSDT, A-HSMT, Bên Mua có quyền lựa chọn:

- (i) Từ chối hàng hoá đã nhận và Bên Bán phải hoàn trả lại ngay cho Bên Mua các khoản tiền mà Bên Mua đã thanh toán cho Bên Bán, nhận lại hàng hóa đồng thời phải chịu phạt 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm; hoặc
- (ii) Đồng ý để Bên Bán khắc phục, bổ sung hoặc thay thế hàng hoá mới cho Bên Mua trong thời gian bảy (07) ngày kể từ ngày có kết quả kiểm định và/hoặc kiểm tra hàng hóa, đồng thời Bên Bán phải chịu phạt 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm;
- (iii) Sau khi khắc phục, bổ sung hoặc thay thế hàng hóa mới như nêu tại mục (ii) nêu trên mà hàng hoá vẫn không đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định trong Hợp đồng, Bên Mua có quyền từ chối hàng hóa do Bên Bán cung cấp và huỷ bỏ một phần hoặc toàn bộ Hợp đồng; đồng thời Bên Bán phải chịu phạt 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

Điều 6: BẢO HÀNH

- 6.1 Toàn bộ hàng hóa của Hợp đồng được bảo hành miễn phí tại *địa điểm triển khai của Bên Mua* trong vòng tháng kể từ ngày hai bên ký “Biên bản nghiệm thu hàng hóa”. Bên Bán đảm bảo các điều kiện bảo hành đối với hàng hóa trong hợp đồng sẽ không kém thuận lợi hơn các điều kiện về bảo hành của (các) nhà sản xuất hàng hóa.

Nếu hàng hóa bị lỗi, hỏng trong thời hạn bảo hành, Bên Mua sẽ ngay lập tức thông báo cho Bên Bán về yêu cầu bảo hành. Bên Bán có nghĩa vụ cử cán bộ đến khắc phục, sửa chữa hàng hóa tại địa điểm của Bên Mua không chậm hơn [*..điền số giờ yêu cầu, trong 24-48 giờ, tùy theo thiết bị...*] giờ. Nếu Bên Bán không khắc phục, sửa chữa được hàng hóa bị lỗi, hỏng, Bên Bán có trách nhiệm thay thế hàng hóa mới trong thời gian tối đa 07 ngày kể từ khi Bên Bán nhận được thông báo yêu cầu bảo hành của Bên Mua.

- 6.2 Hàng hóa được sửa chữa/ thay thế trong thời gian bảo hành sẽ được bảo hành tiếp trong thời gian 00 tháng kể từ ngày sửa chữa/thay thế hoặc từ

ngày được sửa chữa/thay thế đến hết thời hạn bảo hành như quy định tại Điều 6.1, tùy trường hợp nào dài hơn.

- 6.3 Bên Mua có trách nhiệm tuân thủ hướng dẫn sử dụng của Bên Bán/Nhà sản xuất. Nếu các lỗi do Bên Mua gây ra như phá vỡ niêm phong bảo hành, dùng không đúng quy trình kỹ thuật, hoặc hàng hóa bị lỗi, hỏng ngoài thời gian bảo hành thì Bên Bán vẫn phải có trách nhiệm khắc phục, sửa chữa hàng hóa trong khoảng thời gian như quy định tại Điều 6.1 nhưng chi phí sẽ do Bên Mua chịu. Chi phí sửa chữa do hai Bên thỏa thuận và không được vượt quá 20% đơn giá hàng hóa mua mới được quy định trong Hợp đồng.
- 6.4 Khi Bên Mua có nhu cầu mua thêm hàng hóa cùng chủng loại phục vụ công tác bảo hành, Bên Bán có trách nhiệm đảm bảo sẵn nguồn hàng hóa tương đương để cung cấp cho Bên Mua trong vòng một (01) năm kể từ ngày hết hạn bảo hành.

Điều 7: CÁC LOẠI BẢO LÃNH

7.1. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng

Bảo lãnh thực hiện hợp đồng có giá trị 3% giá Hợp đồng và có hiệu lực kể từ ngày phát hành đến hết một (01) tháng sau ngày Biên bản nghiệm thu hàng hóa được ký và đóng dấu bởi đại diện có thẩm quyền của hai Bên như quy định tại Điều 5 (dự kiến tháng) và Bên Mua đã nhận được Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực.

Bảo lãnh thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng cách nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam; là bảo đảm vô điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu) và không hủy ngang, theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 hoặc theo mẫu được Bên Mua chấp thuận, để bảo đảm cho tất cả các nghĩa vụ, trách nhiệm thực hiện hợp đồng của Bên Bán, bao gồm nhưng không giới hạn các nghĩa vụ, trách nhiệm quy định trong các Phụ lục sửa đổi của hợp đồng được ký bởi các Bên.

Bảo lãnh thực hiện hợp đồng sẽ được trả lại Bên Bán trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày hết hiệu lực của Bảo lãnh hoặc Bảo lãnh sẽ tự động được giải tỏa sau một (01) tháng kể từ ngày Biên bản nghiệm thu hàng hóa được ký và đóng dấu bởi đại diện có thẩm quyền của hai Bên và Bên Mua nhận được Bảo lãnh Bảo hành có hiệu lực theo quy định của hợp đồng.

Trong mọi trường hợp, nếu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày Biên bản nghiệm thu hàng hóa được ký và đóng dấu bởi đại diện có thẩm quyền của hai Bên, hoặc trước khi Bên Mua nhận được Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực như quy định ở trên thì Bên Bán bằng chi phí của mình sẽ

có trách nhiệm gia hạn thời gian hiệu lực của Bảo lãnh theo yêu cầu của Bên Mua.

7.2. Bảo lãnh tạm ứng

Trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng, Bên Bán phải nộp cho Bên Mua một (01) Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo cho khoản tạm ứng bằng 10% Giá Hợp đồng và có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng đến hết một (01) tháng sau ngày Biên bản nghiệm thu hàng hóa được ký và đóng dấu bởi đại diện có thẩm quyền của hai Bên.

Bảo lãnh tạm ứng phải được cấp bởi tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt nam. Bảo lãnh được thực hiện bằng cách phát hành bảo đảm ngân hàng vô điều kiện và không hủy ngang theo như mẫu quy định tại Phụ lục 3 hoặc theo mẫu được Bên Mua chấp thuận.

Bảo lãnh tạm ứng sẽ được trả lại Bên Bán trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày hết hiệu lực của Bảo lãnh hoặc Bảo lãnh sẽ tự động được giải tỏa sau một (01) tháng kể từ ngày Biên bản nghiệm thu hàng hóa được ký và đóng dấu bởi đại diện có thẩm quyền của hai Bên.

Trong mọi trường hợp, nếu Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực trước thời hạn hoặc Bên Mua chưa thu hồi xong khoản tạm ứng như quy định ở trên thì Bên Bán có trách nhiệm gia hạn thời gian hiệu lực của Bảo lãnh theo yêu cầu của Bên Mua.

7.3. Bảo lãnh bảo hành

Sau khi hai bên ký Biên bản bàn giao hàng hóa, Bên Bán phải nộp cho Bên Mua một (01) Bảo lãnh bảo hành có giá trị bằng 5% Giá Hợp đồng, vô điều kiện và không hủy ngang và có hiệu lực không muộn hơn ngày bắt đầu thời hạn bảo hành đến khi kết thúc thời hạn bảo hành.

Bảo lãnh bảo hành này là để bảo đảm cho tất cả các nghĩa vụ, trách nhiệm bảo hành của Bên Bán trong thời gian hiệu lực của bảo lãnh.

Bảo lãnh bảo hành phải được cấp bởi tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt nam. Bảo lãnh được thực hiện bằng cách phát hành bảo đảm ngân hàng vô điều kiện và không hủy ngang theo như mẫu quy định tại Phụ lục 3 hoặc theo mẫu được Bên Mua chấp thuận.

Bảo lãnh sẽ tự động được giải tỏa sau một (01) tháng kể từ ngày hết hạn Bảo lãnh và Bên Bán hoàn thành xong toàn bộ nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng.

Nếu Bên Bán không thực hiện hoặc thực hiện không đúng bất kỳ nghĩa vụ hoặc trách nhiệm bảo hành theo quy định của hợp đồng và/hoặc theo tiêu chuẩn bảo hành của Nhà sản xuất cho Bên Mua theo hợp đồng thì số tiền Bảo lãnh đó sẽ phải được trả ngay cho Bên Mua khi có yêu cầu của Bên Mua. Tất cả các chi phí đối với việc bảo lãnh này phải do Bên Bán chịu.

Trường hợp Bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực trước thời điểm theo quy định tại Hợp đồng, Bên Bán bằng chi phí của mình, có trách nhiệm gia hạn thời gian hiệu lực của bảo lãnh tương ứng với thời hạn quy định trong Hợp đồng theo yêu cầu của Bên Mua.

7.4 Tính hợp lệ và chi phí của các Bảo lãnh

Tất cả các chi phí phát sinh đối với việc mở, gia hạn Bảo lãnh do Bên Bán chịu.

Bảo lãnh phải được mở đúng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và Bên Bán có trách nhiệm cung cấp cho Bên Mua các tài liệu liên quan chứng minh tính hợp lệ, hợp pháp của Bảo lãnh.

Điều 8: BẤT KHẢ KHÁNG

- 8.1. Bên Bán không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.
- 8.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi sự việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.
- 8.3. Trong Hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.
- 8.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Bên kia về sự kiện đó và

nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho Bên kia các bằng chứng xác thực về sự kiện bất khả kháng đó và chứng minh bên đó đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép nhưng không thể khắc phục được.

Bên Bán bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự kiện bất khả kháng.

- 8.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra

Điều 9: ĐIỀU KHOẢN PHẠT VÀ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

9.1 Phạt hợp đồng:

Nếu Bên Bán chậm trễ trong việc giao hàng và/hoặc thực hiện dịch vụ (nếu có) và/hoặc do lỗi của Bên Bán/hàng hóa của Bên Bán khiến cho Bên Mua nghiệm thu hàng hóa bị chậm so với tiến độ quy định của hợp đồng thì Bên Bán sẽ phải chịu mức phạt bằng không phẩy hai phần trăm (0,2%) cho mỗi ngày chậm trên giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm cho đến mức tổng số các lần phạt không quá tám phần trăm (8%) tổng giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm.

Quy tắc xác định số ngày vi phạm hợp đồng: ngày vi phạm đầu tiên là ngày liền kề tiếp theo của ngày hết hạn thực hiện nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng. Các ngày vi phạm tiếp theo được xác định theo chu kỳ 24 (hai mươi tư) giờ kể từ thời điểm bắt đầu của ngày liền kề tiếp theo.

Số tiền phạt nêu trên sẽ được Bên Mua khấu trừ vào khoản phải trả cho Bên Bán vào lần thanh toán cuối của hợp đồng.

Nếu Bên Bán chậm trễ thực hiện giao hàng/thực hiện dịch vụ (nếu có) quá 07 ngày so với tiến độ quy định tại Điều 2.2 của hợp đồng hoặc ngày cụ thể được Bên Mua đồng ý gia hạn bằng văn bản thì coi như Bên Bán hoàn toàn không thực hiện hợp đồng và Bên Mua có quyền chấm dứt một phần và/hoặc toàn bộ hợp đồng và Bên Bán chịu trách nhiệm như quy định tại Điều 10.

9.2 Bồi thường thiệt hại:

Trong trường hợp vi phạm hợp đồng, bên vi phạm hợp đồng có trách nhiệm bồi thường cho Bên còn lại toàn bộ thiệt hại bao gồm giá trị tổn thất thực tế, trực tiếp mà Bên bị vi phạm phải chịu do Bên vi phạm gây ra và khoản lợi trực tiếp mà Bên bị vi phạm đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm hợp đồng.

- 9.3 Khi Bên Bán vi phạm hợp đồng, trừ trường hợp Bên Mua đã khấu trừ khoản tiền phạt vào khoản tiền phải thanh toán cho Bên Bán, Bên Mua có quyền gửi giấy đòi tiền phạt và/hoặc bồi thường thiệt hại cho Bên Bán. Bên Bán có trách nhiệm trả tiền phạt và/hoặc bồi thường thiệt hại trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được giấy đòi tiền phạt hoặc/và bồi thường thiệt hại từ Bên Mua.

Điều 10: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

10.1 Chấm dứt hợp đồng do vi phạm:

Bên Mua có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho Bên Bán về vi phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau:

(i) Bên Bán không thể bàn giao toàn bộ hoặc một phần hàng hóa theo yêu cầu của hợp đồng trong thời hạn quy định hoặc trong thời gian gia hạn (nếu có) do các Bên thỏa thuận;

(ii) Bên Bán không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng;

Trường hợp Bên Mua chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng do lỗi vi phạm của Bên Bán. Bên Bán phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên Mua theo quy định của hợp đồng này và vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt. Đối với phần hợp đồng bị chấm dứt, Bên Bán có trách nhiệm lấy lại hàng hóa bị chấm dứt tại kho/địa điểm chỉ định của Bên Mua, trả lại cho Bên Mua các khoản mà Bên Mua đã thanh toán cho phần hàng hóa bị chấm dứt.

- 10.2 Hợp đồng bị chấm dứt được tính từ thời điểm Bên Mua/Bên Bán nhận được thông báo chấm dứt bằng văn bản từ Bên còn lại.

Điều 11: BẢO MẬT THÔNG TIN

Mỗi Bên sẽ giữ bí mật tất cả các thông tin liên quan đến Hợp đồng này như: mục đích, nội dung, giá trị, các chỉ tiêu, bản in, phụ lục và mọi thông tin khác được Bên kia cung cấp, trừ khi việc tiết lộ thông tin được Bên kia đồng ý trước bằng văn bản. Điều này sẽ không áp dụng cho các thông tin mang tính phổ thông đại chúng và các số liệu về thành tích cung cấp hàng hóa mà Bên Bán đưa ra để thúc đẩy việc bán hàng của họ và/hoặc trong trường hợp phải cung cấp thông tin theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền hoặc Tòa án, trọng tài.

Điều 12: QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ

- 12.1 Bên Bán cam kết toàn bộ hàng hóa cung cấp trong Hợp đồng có quyền sở hữu trí tuệ hợp pháp và không bị xâm phạm bởi bất kỳ bên thứ ba nào. Bên

Bán cam kết có đủ thẩm quyền, điều kiện, năng lực để bán hàng hóa cho Bên Mua. Nếu một bên thứ ba khiếu nại do quyền sở hữu trí tuệ của họ bị xâm phạm liên quan đến các hàng hóa của Hợp đồng, Bên Bán có nghĩa vụ phải khắc phục hậu quả và chịu toàn bộ các chi phí trực tiếp hay gián tiếp do việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ này gây ra, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc và các chi phí sau:

- i. Xin chấp thuận của bất kỳ bên thứ ba nào để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của Bên Mua theo Hợp đồng này;
- ii. Sửa đổi các phần vi phạm quyền sở hữu trí tuệ;
- iii. Thay thế các phần vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bên thứ ba bằng các phần khác không vi phạm;
- iv. Lấy lại toàn bộ hoặc các phần của hàng hóa có liên quan đến việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bên thứ ba và hoàn lại cho Bên Mua mọi chi phí liên quan (trong trường hợp Bên Mua phải thanh toán bất kỳ chi phí nào phát sinh nêu tại Điều này);
- v. Bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Bên Mua nếu hoạt động sản xuất, kinh doanh của Bên Mua bị ảnh hưởng do việc vi phạm sở hữu trí tuệ của Bên Bán.

12.2 Bên Bán sẽ bảo vệ, bồi thường hoặc thanh toán cho Bên Mua mọi thiệt hại, các chi phí và lệ phí (bao gồm cả chi phí luật sư) mà Bên Mua phải chịu liên quan đến bất kỳ khiếu nại, yêu cầu, vụ kiện hoặc thủ tục tố tụng khác của bên thứ ba nhằm chống lại Bên Mua phát sinh từ hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của Bên Bán. Trong trường hợp này, Bên Mua có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Bên Bán.

Điều 13: LUẬT ÁP DỤNG VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

13.1 Luật áp dụng trong hợp đồng này là pháp luật Việt Nam.

13.2 Trong trường hợp có tranh chấp xuất phát từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này, hai Bên sẽ cố gắng giải quyết thông qua thương lượng.

Đối với Hợp đồng ký với các đơn vị BQP:

13.3 Trường hợp tranh chấp không giải quyết được bằng thương lượng trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày một Bên gửi văn bản yêu cầu Bên kia giải quyết tranh chấp thì một trong hai Bên có quyền đưa tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật để giải quyết. Bên thua kiện phải chịu án phí, phí luật sư của Bên còn lại.

Đối với Hợp đồng ký với các đơn vị khác:

- 13.3 Trường hợp tranh chấp không giải quyết được bằng thương lượng trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày một Bên gửi văn bản yêu cầu Bên kia giải quyết tranh chấp thì một trong hai Bên có quyền đưa tranh chấp ra Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) và giải quyết theo Quy tắc tổ tụng trọng tài của Trung tâm này. Địa điểm trọng tài là Thành phố Hà Nội. Quyết định của Trọng tài sẽ là chung thẩm và có giá trị bắt buộc đối với các Bên. Phí trọng tài và/hoặc các chi phí khác có liên quan sẽ do Bên thua kiện chịu.

Điều 14: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 14.1. Hợp đồng này sẽ có hiệu lực kể từ ngày được đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký và đóng dấu.
- 14.2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên ký Biên bản thanh lý Hợp đồng theo luật định và các bên hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ trong Hợp đồng (trừ các nghĩa vụ liên quan đến mục 14.5 thuộc Điều này).
- 14.3. Nếu có những điểm trong Hợp đồng này mất hiệu lực pháp lý thì phần còn lại của Hợp đồng vẫn có hiệu lực ràng buộc các bên.
- 14.4. Mọi sửa đổi, điều chỉnh và bổ sung cho Hợp đồng này sẽ chỉ có hiệu lực khi được làm thành văn bản và có chữ ký đầy đủ của đại diện có thẩm quyền của hai bên. Phụ lục sửa đổi Hợp đồng sẽ được coi là một phần không tách rời của Hợp đồng và có hiệu lực kể từ ngày đại diện có thẩm quyền của hai bên ký.
- 14.5. Hai bên thống nhất, các quy định về An toàn thông tin (nếu có), Bảo mật thông tin (Điều 11), Quyền sở hữu trí tuệ (Điều 12), Luật áp dụng và Giải quyết tranh chấp (Điều 13) sẽ duy trì hiệu lực áp dụng kể cả khi Hợp đồng đã thanh lý hoặc chấm dứt trong bất kỳ trường hợp nào.

[Trường hợp ký hợp đồng bản cứng: Hợp đồng được làm thành 03 (ba) bản có giá trị pháp lý như nhau. Bên Mua giữ 02 (hai) bản, Bên Bán giữ 01 (một) bản.]

[Trường hợp ký hợp đồng điện tử: Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên và có giá trị pháp lý như hợp đồng bằng văn bản.]

ĐẠI DIỆN BÊN MUA

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN

Phụ lục 01
DANH MỤC HÀNG HÓA VÀ GIÁ CẢ
(Kèm theo Hợp đồng số:)

Phụ lục 02
CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CHI TIẾT
(Kèm theo Hợp đồng số:)

I. CHỈ TIÊU KỸ THUẬT CHI TIẾT ĐỐI VỚI HÀNG HÓA

{Chọn 1 trong 2 cách sau}

Cách 1:

I. TÊN VẬT TƯ, THIẾT BỊ 1

TT	Hàng hóa	Ký mã hiệu/ Hãng SX/ Xuất xứ	Thông số kỹ thuật
I	Tên hàng	Mã hiệu	
	<i>Nội dung</i>		<i>Mô tả kỹ thuật</i>

II. TÊN VẬT TƯ, THIẾT BỊ TIẾP THEO....

TT	Hàng hóa	Ký mã hiệu/ Hãng SX/ Xuất xứ	Thông số kỹ thuật
I	Tên hàng	Mã hiệu	
	<i>Nội dung</i>		<i>Mô tả kỹ thuật</i>

Cách 2:

TT	Hàng hóa	Thông số kỹ thuật
I	Tên hàng 1	Ký mã hiệu: ... Hãng sản xuất:... Xuất xứ: ...
	<i>Nội dung</i>	<i>Mô tả kỹ thuật</i>

II	Tên hàng 2	Ký mã hiệu: ... Hãng sản xuất:... Xuất xứ: ...
	<i>Nội dung</i>	<i>Mô tả kỹ thuật</i>

Phụ lục 03
CÁC MẪU BẢO LÃNH

(Kèm theo Hợp đồng số:)

Mẫu số 1:

MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: **Tổng Công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel – CN Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân Đội.**

(sau đây gọi là Chủ đầu tư/Đơn vị đại diện Chủ đầu tư)

Theo đề nghị của _____ *[Ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu đã trúng thầu gói thầu _____ *[Ghi tên gói thầu]* và cam kết sẽ ký kết Hợp đồng thực hiện *[hàng hoá/xây lắp/dịch vụ phi tư vấn]* cho gói thầu trên (sau đây gọi là Hợp đồng);⁽²⁾

Theo quy định trong bản HSMT/HSYC/HSMCG/Thư mời thương thảo Hợp đồng (hoặc Hợp đồng), nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư/Đơn vị đại diện Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện Hợp đồng;

Chúng tôi, _____ *[Ghi tên của ngân hàng]* có trụ sở đăng ký tại _____ *[Ghi địa chỉ của ngân hàng⁽³⁾]* (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện Hợp đồng của Nhà thầu với số tiền là _____ *[Ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại Hợp đồng]*. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư/Đơn vị đại diện Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn _____ *[Ghi số tiền bảo lãnh]* như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư/Đơn vị đại diện Chủ đầu tư thông báo nhà thầu vi phạm Hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện Hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện Hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có Hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì chủ đầu tư/Đơn vị đại diện Chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của _____ *[Ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là nhà thầu) là nhà thầu trúng thầu gói thầu _____ *[Ghi tên gói thầu]* đã ký Hợp đồng số _____ *[Ghi số Hợp đồng]* ngày ____ tháng ____ năm ____ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại Hợp đồng mẫu.

BẢO LÃNH TIỀN TẠM ỨNG ⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: **Tổng Công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel – CN Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân Đội.**
(sau đây gọi là Chủ đầu tư/Đơn vị đại diện Chủ đầu tư)

Theo điều khoản về tạm ứng nêu trong Hợp đồng *[ghi tên Hợp đồng, số Hợp đồng]*, ____ *[ghi tên và địa chỉ của nhà thầu]* (sau đây gọi là “Nhà thầu”) phải nộp cho Chủ đầu tư/Đơn vị đại diện Chủ đầu tư một bảo lãnh ngân hàng để bảo đảm nhà thầu sử dụng đúng mục đích khoản tiền tạm ứng ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* cho việc thực hiện Hợp đồng;

Chúng tôi, ____ *[ghi tên của ngân hàng]* có trụ sở đăng ký tại ____ *[ghi địa chỉ của ngân hàng⁽²⁾]* (sau đây gọi là “Ngân hàng”), theo yêu cầu của Chủ đầu tư/Đơn vị đại diện Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không hủy ngang và không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, thanh toán cho Chủ đầu tư/Đơn vị đại diện Chủ đầu tư khi Chủ đầu tư/Đơn vị đại diện Chủ đầu tư có yêu cầu với một khoản tiền không vượt quá ____ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định về giá trị tạm ứng trong Hợp đồng]*.

Ngoài ra, chúng tôi đồng ý rằng các thay đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các điều kiện của Hợp đồng hoặc của bất kỳ tài liệu nào liên quan tới Hợp đồng được ký giữa Nhà thầu và Chủ đầu tư/Đơn vị đại diện Chủ đầu tư sẽ không làm thay đổi bất kỳ nghĩa vụ nào của chúng tôi theo bảo lãnh này.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày nhà thầu nhận được khoản tạm ứng theo Hợp đồng cho đến ngày ____ tháng ____ năm ____ ⁽³⁾.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm tạm ứng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(3) Ngày hết hạn bảo lãnh: 01 tháng kể từ ngày Biên bản nghiệm thu hàng hóa/Biên bản nghiệm thu dịch vụ được ký và đóng dấu bởi hai bên.

Mẫu số 3

BẢO LÃNH BẢO HÀNH

Số:.....

Hà Nội, Ngày tháng năm

Kính gửi: Tổng Công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel – CN Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân Đội.

Địa chỉ: 380 Lạc Long Quân – Phường Tây Hồ - Hà Nội.

Căn cứ các điều khoản, điều kiện của Hợp đồngsố ngày/...../..... (*sau đây gọi là “Hợp đồng”*) giữa Tổng Công ty Công nghiệp Công nghệ cao Viettel – CN Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân Đội (*sau đây gọi là “Chủ đầu tư/Đơn vị đại diện Chủ đầu tư”*) và (*ghi tên đăng ký của Bên được bảo lãnh*) có trụ sở đăng ký tại (*ghi địa chỉ đăng ký của bên được bảo lãnh*) (*sau đây gọi là “Nhà thầu”*).

Theo quy định trong Hợp đồng, nhà thầu phải nộp cho chủ đầu tư/Đơn vị đại diện Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc bảo đảm chất lượng hàng hóa/dịch vụ được cung cấp trong Hợp đồng.

Chúng tôi, Ngân hàng – Chi nhánh....., trụ sở đăng ký tại, số điện thoại:, số fax:, email: (*sau đây gọi là “Ngân hàng”*), xin cam kết bảo lãnh cho nghĩa vụ bảo đảm chất lượng hàng hóa/dịch vụ của Bên được Bảo lãnh với Bên nhận Bảo lãnh theo Hợp đồng số.....ngày/...../.....của nhà thầu với số tiền là: VND (Bằng chữ:.....). Chúng tôi cam kết thanh toán ngay cho chủ đầu tư/Đơn vị đại diện Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạnVND (Bằng chữ:.....) như đã nêu trên, khi có văn bản đầu tiên của chủ đầu tư/Đơn vị đại diện Chủ đầu tư thông báo nhà thầu vi phạm nghĩa vụ bảo đảm chất lượng hàng hóa/dịch vụ được cung cấp trong Hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo đảm hỗ trợ dịch vụ này.

Thư bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực khi Nhà thầu thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ bảo đảm chất lượng hàng hóa/dịch vụ với Chủ đầu tư/Đơn vị đại diện Chủ đầu tư theo quy định tại Hợp đồng, nhưng trong mọi trường hợp không muộn hơn ngày/...../..... là ngày hết hạn của Thư bảo lãnh. (“**Thời hạn Hiệu lực**”). Trong trường hợp ngày hết hạn hiệu lực rơi vào ngày nghỉ/lễ, thời hạn của Bảo lãnh sẽ đương nhiên còn hiệu lực đến ngày làm việc đầu tiên tiếp sau đó.

Thư bảo lãnh này được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Mọi tranh chấp liên quan đến Thư bảo lãnh này sẽ được đưa ra Toà án có thẩm quyền để giải quyết.

Thư bảo lãnh này được lập thành 01 bản duy nhất, vô điều kiện, không hủy ngang và không có giá trị chuyển nhượng.

Đại diện và thay mặt

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)